

Thành phần/Composition:

Mỗi viên nang mềm chứa/Each softgel contains:

Vitamin A (Retinyl palmitat)	1000IU
Vitamin D3 (Cholecalciferol)	270IU
Vitamin B1 (Thiamin nitrat)	2mg
Vitamin B2 (Riboflavin)	2mg
Vitamin B6 (Pyridoxin. HCl)	2mg
Vitamin B3 (Niacinamid)	8mg

Vitamin B12 (Cyanocobalamin)	3mcg
Canxi (Calcii glycerophosphat)	20mg
Magnesi (Magnesi gluconat)	1mg
Sắt (Sắt sulfat)	1,5mg
Lysin hydroclorid	30mg
Tà dược vd/ Excipients q.s.f.	1 viên/1 Softgel

Hộp 2 vỉ x 15 viên nang mềm



Pharnaraton

Pharnaraton

HATAPHAR

Chỉ định, Chống chỉ định, Cách dùng - Liều dùng/ Indications, Contraindications, Dosage - Administration: Xin xem tờ hướng dẫn sử dụng thuốc bên trong hộp/ See the package insert inside.

ĐỂ XA TẦM TAY TRẺ EM - ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG/ KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN - CAREFULLY READ THE ACCOMPANYING INSTRUCTIONS BEFORE USE.

Bảo quản/ Storage:

Nơi khô, nhiệt độ dưới 25°C/ Store in a dry place, below 25°C.

Tiêu chuẩn/ Specifications: TCCS/ Manufacturer's.

SDK (Reg.No) :

Số lô SX (Lot.No) :

Ngày SX (Mfg.Date):

HD (Exp.Date) :

Sản xuất tại/ Manufactured by:

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY/ HATAY PHARMACEUTICAL J.S.C

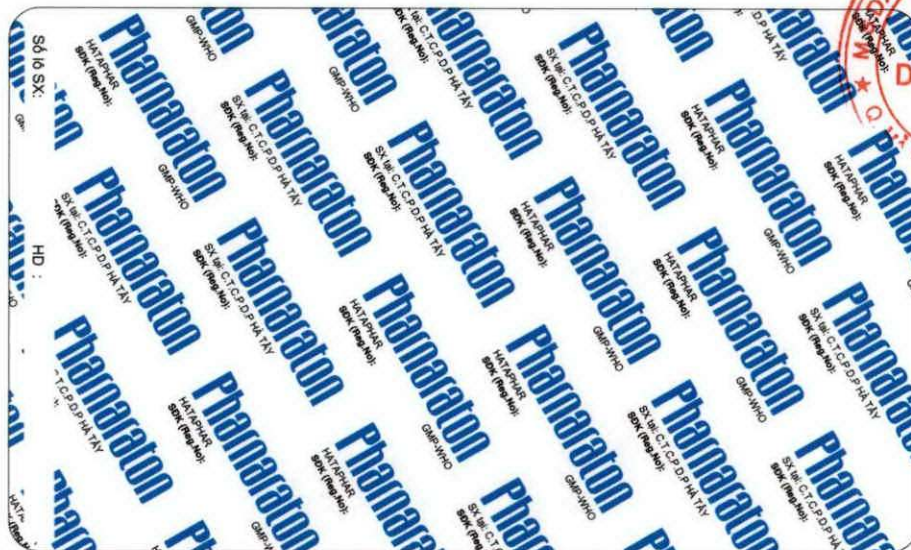
La Khê - Hà Đông - TP. Hà Nội/ La Khê - Hà Đông - Hà Nội City

Box of 2 blisters of 15 softgels



Pharnaraton

HATAPHAR



Pharnaraton

HATAPHAR

Số lô SX: HD:

M.S.D.N: 0500391400-CTC

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

TP. HÀ NỘI

Box of 10 blisters of 10 softgels

GMP WHO

Pharnaraton

HATAPHAR

Thành phần/Composition:

Mỗi viên nang mềm chứa/Each softgel contains:

Vitamin A (Retinyl palmitat)	1000IU
Vitamin D3 (Cholecalciferol)	270IU
Vitamin B1 (Thiamin nitrat)	2mg
Vitamin B2 (Riboflavin)	2mg
Vitamin B6 (Pyridoxin. HCl)	2mg
Vitamin B3 (Nicotinamid)	8mg
Vitamin B12 (Cyanocobalamin)	3mcg
Calcđ (Calcđ glycerophosphat)	20mg
Magnesi (Magnesi gluconat)	1mg
Sắt (Sắt sulfat)	1,5mg
Lysin hydroclorid	30mg
Tã dược vđ/ Excipients q.s.f	1 viên/1 softgel

Chỉ định, Chống chỉ định, Cách dùng - Liều dùng/
Indications, Contraindications, Dosage -
Administration: Xin xem tờ hướng dẫn sử dụng thuốc
bên trong hộp/ See the package insert inside.

Bảo quản/ Storage:
Nơi khô, nhiệt độ dưới 25°C/
Store in a dry place, below 25°C.

Tiêu chuẩn/ Specifications: TCCS/ Manufacturer's.

Hộp 10 vỉ x 10 viên nang mềm

GMP WHO

Pharnaraton

HATAPHAR

ĐỂ XA TẦM TAY TRẺ EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG/
KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN
CAREFULLY READ THE ACCOMPANYING INSTRUCTIONS
BEFORE USE.

SĐK (Reg.No) :
Số lô SX (Lot.No) :
Ngày SX (Mfg. Date):
HD (Exp. Date) :

Sản xuất tại/ Manufactured by:
CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY/
HATAY PHARMACEUTICAL J.S.C
Là Khê - Hà Đông - TP. Hà Nội/
Là Khê - Hà Đông - Hà Nội City

12



**Hướng dẫn sử dụng thuốc
PHARNARATON**

- **Dạng thuốc:** Viên nang mềm

- **Qui cách đóng gói:** Hộp 10 vỉ x 10 viên và Hộp 2 vỉ x 15 viên.

- **Công thức bào chế cho 1 đơn vị (1 viên) thành phẩm:** Mỗi viên nang mềm chứa:

Vitamin A (Retinyl palmitat)	1000IU	Vitamin D ₃ (Cholecalciferol)	270IU
Vitamin B ₁ (Thiamin nitrat)	2mg	Vitamin B ₂ (Riboflavin)	2mg
Vitamin B ₆ (Pyridoxin. HCl)	2mg	Vitamin B ₃ (Niacinamid)	8mg
Vitamin B ₁₂ (Cyanocobalamin)	3mcg	Calci (Calci glycerophosphat)	20mg
Magnesi (Magnesi gluconat)	1mg	Sắt (Sắt sulfat)	1,5mg
Lysin hydroclorid	30mg	Tá dược vđ	1 viên

(Tá dược gồm: Dầu đậu nành, sáp ong trắng, dầu cọ, aerosil, lecithin, glycerin, gelatin, nipagin, nipasol, dung dịch sorbitol 70%, titan dioxyd, ethyl vanilin, gôm arabic, phẩm màu Chocolate, ethanol 96%, nước tinh khiết).

- **Chỉ định:** Bổ sung vitamin, lysin và muối khoáng cho cơ thể. Dùng để phục hồi sức khoẻ cho người mới ốm dậy, người bị bệnh mãn tính, bệnh nhân sau phẫu thuật và các trường hợp mệt mỏi, chán ăn, suy nhược cơ thể do lao động học tập, thể thao gắng sức, phụ nữ có thai hoặc đang cho con bú thiếu vitamin và khoáng chất.

- **Cách dùng và liều dùng:** Trung bình:

Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi: Uống mỗi lần 1 viên x 2 lần/ngày.

- **Chống chỉ định:** Quá mẫn cảm với một trong các thành phần của thuốc.

* **Vitamin A:** Người bệnh thừa vitamin A.

* **Vitamin D₃:** Tăng calci máu hoặc nhiễm độc vitamin D.

* **Vitamin B₁₂:** Có tiền sử dị ứng với cobalamin, u ác tính, người bệnh có cơ địa dị ứng (hen, eczema).

* **Sắt sulfat:** Mẫn cảm với sắt II sulfat. Bệnh mô nhiễm sắt, nhiễm hemosiderin và thiếu máu tan máu. Hẹp thực quản, túi cùng đường tiêu hóa.

* **Calci glycerophosphat:** Tránh dùng kéo dài trên bệnh nhân suy thận, tăng calci máu. Dùng song song với Digoxin.

* **Magnesi gluconat:** Suy thận.

- **Thận trọng:**

- **Vitamin B₂:** Trong thời gian dùng thuốc nước tiểu có thể có màu vàng vì có chứa Vitamin B₂, khi ngừng thuốc sẽ hết.

- **Vitamin A:** Cần thận trọng khi có dùng thuốc khác có chứa vitamin A.

- **Vitamin D₃:** Sarcoidosis hoặc thiếu năng cận giáp (có thể tăng nhạy cảm với vitamin D), suy chức năng thận, bệnh tim, sỏi thận, xơ vữa động mạch.

- **Vitamin B₆:** Dùng vitamin B₆ với liều 200mg/ngày và kéo dài có thể làm cho bệnh thần kinh ngoại vi và bệnh thần kinh cảm giác nặng, ngoài ra còn gây chứng lệ thuộc vitamin B₆.

- **Sắt sulfat:** Cần thận trọng khi dùng cho người có nghi ngờ bệnh loét dạ dày, viêm ruột hồi hoặc viêm loét ruột kết mạn. Trẻ em dưới 12 tuổi không dùng viên nén và viên nang, chỉ dùng thuốc giọt hoặc siro (hút qua ống).

- **Sử dụng cho phụ nữ có thai và đang cho con bú:** Thuốc dùng được cho phụ nữ có thai hoặc đang cho con bú.

- **Tác dụng không mong muốn của thuốc:** Thuốc có thể gây rối loạn tiêu hoá nhẹ: Buồn nôn, nôn. Tác dụng không mong muốn xảy ra khi dùng liều cao vitamin A và vitamin D.

* Uống vitamin A dùng liều cao kéo dài có thể gây đến ngộ độc vitamin A. Các triệu chứng đặc trưng là: Mệt mỏi, dễ bị kích thích, chán ăn, sụt cân, nôn, rối loạn tiêu hoá, sốt, gan-lách to, da bị biến đổi, rụng tóc, tóc khô giòn, môi nứt nẻ và chảy máu, thiếu máu, nhức đầu, calci huyết cao,

phù nề dưới da, đau ở xương khớp. Trẻ em các triệu chứng ngộ độc mạn tính bao gồm cả tăng áp lực nội sọ (thóp căng), phù gai mắt, ù tai, rối loạn thị giác, sưng đau dọc xương dài. Hầu hết các triệu chứng mất dần khi ngừng sử dụng thuốc. Uống vitamin A liều cao dẫn đến ngộ độc cấp với các dấu hiệu: buồn ngủ, chóng mặt, hoa mắt, buồn nôn, nôn, dễ bị kích thích, nhức đầu, mê sảng, co giật, ỉa chảy. Các triệu chứng xuất hiện sau khi uống thuốc từ 6 đến 24 giờ. Đối với phụ nữ mang thai, liều Vitamin A trên 8.000IU mỗi ngày có thể gây ngộ độc cho thai nhi.

* Uống Vitamin D₃ quá liều có thể gây ngộ độc vitamin D. Các triệu chứng ban đầu của ngộ độc là dấu hiệu và triệu chứng của tăng calci máu. Tăng calci huyết và nhiễm độc vitamin D có một số tác dụng phụ như:

Thường gặp: Thân kinh (yếu, mệt mỏi, ngủ gà, đau đầu); Tiêu hoá (chán ăn, khô miệng, buồn nôn, táo bón, tiêu chảy); các biểu hiện khác (ù tai, mất điều hoà, giảm trương lực cơ, đau cơ, đau xương và dễ bị kích thích).

Ít gặp hoặc hiếm gặp: Nhiễm calci thận, rối loạn chức năng thận, loãng xương ở người lớn, giảm phát triển ở trẻ em, sút cân; tăng huyết áp, loạn nhịp tim và một số rối loạn chuyển hoá.

Khi thấy các triệu chứng ngộ độc phải ngừng sử dụng thuốc và xử trí theo chỉ dẫn của thầy thuốc.

* *Ghi chú:* "Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc".

- **Tương tác với thuốc khác, các dạng tương tác khác:**

* *Vitamin A:* Neomycin, cholestyramin, parafin lỏng làm giảm hấp thu vitamin A. Các thuốc tránh thai có thể làm tăng nồng độ vitamin A trong huyết tương và có tác dụng không thuận lợi cho sự thụ thai. Cần tránh dùng đồng thời vitamin A với Isotretinoin vì có thể dẫn đến tình trạng như dùng vitamin A quá liều.

* *Vitamin D₃:*

- Không nên điều trị đồng thời vitamin D với cholestyramin hoặc colestipol hydroclorid vì có thể dẫn đến giảm hấp thu vitamin D ở ruột.

- Sử dụng dầu khoáng quá mức có thể cản trở hấp thu vitamin D ở ruột.

- Điều trị đồng thời vitamin D với thuốc lợi niệu thiazid cho những người thiếu năng cận giáp có thể dẫn đến tăng calci huyết. Trong trường hợp đó cần phải giảm liều vitamin D hoặc ngừng dùng vitamin D tạm thời. Dùng lợi tiểu thiazid ở những người thiếu năng cận giáp gây tăng calci huyết có lẽ do tăng giải phóng calci từ xương.

- Không nên dùng đồng thời vitamin D với phenobarbital và/hoặc phenytoin (và có thể với những thuốc khác gây cảm ứng men gan) vì những thuốc này có thể làm giảm nồng độ 25 - hydroxyergocalciferol và 25 - hydroxy - colecalciferol trong huyết tương và tăng chuyển hoá vitamin D thành những chất không có hoạt tính.

- Không nên dùng đồng thời vitamin D với corticosteroid vì corticosteroid cản trở tác dụng của vitamin D. Không nên dùng đồng thời vitamin D với các glycosid trợ tim vì độc tính của glycosid trợ tim tăng do tăng calci huyết, dẫn đến loạn nhịp tim.

* *Vitamin B₂:* Đã gặp một số ca "thiếu riboflavin" ở người đã dùng clopromazin, imipramin, amitriptilin và adriamycin. Rượu có thể gây cản trở hấp thu riboflavin ở ruột. Probenecid sử dụng cùng riboflavin gây giảm hấp thu riboflavin ở dạ dày, ruột.

* *Vitamin B₆:* Vitamin B₆ làm giảm tác dụng của levodopa trong điều trị bệnh Parkinson, điều này không xảy ra với chế phẩm là hỗn hợp levodopa - carbidopa hoặc levodopa - benserazid. Liều dùng 200mg/ngày có thể gây giảm 40-50% nồng độ phenyltoin và phenobarbiton trong máu ở một số người bệnh. Vitamin B₆ có thể làm nhẹ bớt trầm cảm ở phụ nữ uống thuốc tránh thai. Thuốc tránh thai uống có thể làm tăng nhu cầu Vitamin B₆.

- **Quá liều và xử trí:**

* Vitamin A (Dùng 100.000IU/ngày x 10-15 ngày liền, hoặc phụ nữ có thai dùng quá 8000IU/ngày) gây ngứa khô tóc, chán ăn buồn nôn.

* Các triệu chứng của dùng sắt quá liều: Đau bụng, buồn nôn, nôn, ỉa chảy kèm ra máu, mất nước, nhiễm acid và sốc kèm ngủ gà.



Khi gặp phải những dấu hiệu và triệu chứng quá liều cần phải ngừng thuốc ngay và đến cơ sở y tế gần nhất.

- **Hạn dùng:** 36 tháng kể từ ngày sản xuất. **Không được dùng thuốc đã quá hạn dùng.**

* **Lưu ý:** Khi thấy nang thuốc bị ẩm mốc, dính nang, nhãn thuốc in số lô SX, HD mờ...hay có các biểu hiện nghi ngờ khác phải đem thuốc tới hỏi lại nơi bán hoặc nơi sản xuất theo địa chỉ trong đơn.

-**Bảo quản:** Nơi khô, nhiệt độ dưới 25°C.

-**Tiêu chuẩn áp dụng:** TCCS.

ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM
"Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng
Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sĩ"

THUỐC SẢN XUẤT TẠI: CÔNG TY C.P DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

La Khê - Hà Đông- TP. Hà Nội

ĐT: 04.33522203-33516101. FAX: 04.33522203

CÔNG TY C.P DƯỢC PHẨM HÀ TÂY



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

DS. *Nguyễn Bá Lai*

TỜ THÔNG TIN CHO BỆNH NHÂN (PIL)

1. Tên sản phẩm: PHARNARATON

2. Mô tả sản phẩm: Viên nang mềm, hình thuôn dài, màu nâu. Viên khô cầm không dính tay, bên trong chứa hỗn hợp thuốc lỏng màu vàng nhạt.

3. Thành phần của thuốc: Retinyl palmitat, thiamin nitrat, riboflavin, pyridoxin. HCl, niacinamid, cyanocobalamin, calci (calci glycerophosphat), magnesi (magnesi gluconat), sắt (sắt sulfat), lysin hydroclorid.

4. Hàm lượng của thuốc: Mỗi viên nang mềm chứa:

Vitamin A (Retinyl palmitat)	1000IU	Vitamin D ₃ (Cholecalciferol)	270IU
Vitamin B ₁ (Thiamin nitrat)	2mg	Vitamin B ₂ (Riboflavin)	2mg
Vitamin B ₆ (Pyridoxin. HCl)	2mg	Vitamin B ₃ (Niacinamid)	8mg
Vitamin B ₁₂ (Cyanocobalamin)	3mcg	Calci (Calci glycerophosphat)	20mg
Magnesi (Magnesi gluconat)	1mg	Sắt (Sắt sulfat)	1,5mg
Lysin hydroclorid	30mg	Tá dược vđ	1 viên

12

5. Thuốc dùng cho bệnh gì?: Bổ sung vitamin, lysin và muối khoáng cho cơ thể. Dùng để phục hồi sức khỏe cho người mới ốm dậy, người bị bệnh mãn tính, bệnh nhân sau phẫu thuật và các trường hợp mệt mỏi, chán ăn, suy nhược cơ thể do lao động học tập, thể thao gắng sức, phụ nữ có thai hoặc đang cho con bú thiếu vitamin và khoáng chất.

6. Nên dùng thuốc này như thế nào và liều lượng: Trung bình:

Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi: Uống mỗi lần 1 viên x 2 lần/ngày.

7. Khi nào không nên dùng thuốc này?: Quá mẫn cảm với một trong các thành phần của thuốc.

* Vitamin A: Người bệnh thừa vitamin A

* Vitamin D₃: Tăng calci máu hoặc nhiễm độc vitamin D

* Vitamin B₁₂: Có tiền sử dị ứng với cobalamin, u ác tính, người bệnh có cơ địa dị ứng (hen, eczema).

* Sắt sulfat: Mẫn cảm với sắt II sulfat. Bệnh mô nhiễm sắt, nhiễm hemosiderin và thiếu máu tan máu. Hẹp thực quản, túi cùng đường tiêu hóa.

* Calci glycerophosphat: Tránh dùng kéo dài trên bệnh nhân suy thận, tăng calci máu. Dùng song song với Digoxin.

* Magnesi gluconat: Suy thận.

8. Tác dụng không mong muốn: Thuốc có thể gây rối loạn tiêu hoá nhẹ: Buồn nôn, nôn. Tác dụng không mong muốn xảy ra khi dùng liều cao vitamin A và vitamin D.

* Uống vitamin A dùng liều cao kéo dài có thể gây đến ngộ độc vitamin A. Các triệu chứng đặc trưng là: Mệt mỏi, dễ bị kích thích, chán ăn, sụt cân, nôn, rối loạn tiêu hoá, sốt, gan-lách to, da bị biến đổi, rụng tóc, tóc khô giòn, môi nứt nẻ và chảy máu, thiếu máu, nhức đầu, calci huyết cao, phù nề dưới da, đau ở xương khớp. Trẻ em các triệu chứng ngộ độc mạn tính bao gồm cả tăng áp lực nội sọ (thóp căng), phù gai mắt, ù tai, rối loạn thị giác, sưng đau dọc xương dài. Hầu hết các triệu chứng mất dần khi ngừng sử dụng thuốc. Uống vitamin A liều cao dẫn đến ngộ độc cấp với các dấu hiệu: buồn ngủ, chóng mặt, hoa mắt, buồn nôn, nôn, dễ bị kích thích, nhức đầu, mê sảng, co giật, ỉa chảy. Các triệu chứng xuất hiện sau khi uống thuốc từ 6 đến 24 giờ. Đối với phụ nữ mang thai, liều Vitamin A trên 8.000IU mỗi ngày có thể gây ngộ độc cho thai nhi.

* Uống Vitamin D₃ quá liều có thể gây ngộ độc vitamin D. Các triệu chứng ban đầu của ngộ độc là dấu hiệu và triệu chứng của tăng calci máu. Tăng calci huyết và nhiễm độc vitamin D có một số tác dụng phụ như:

Thường gặp: Thần kinh (yếu, mệt mỏi, ngủ gà, đau đầu); Tiêu hoá (chán ăn, khô miệng, buồn nôn, táo bón, tiêu chảy); các biểu hiện khác (ù tai, mất điều hoà, giảm trương lực cơ, đau cơ, đau xương và dễ bị kích thích).

Ít gặp hoặc hiếm gặp: Nhiễm calci thận, rối loạn chức năng thận, loãng xương ở người lớn, giảm phát triển ở trẻ em, sút cân; tăng huyết áp, loạn nhịp tim và một số rối loạn chuyển hoá.

Khi thấy các triệu chứng ngộ độc phải ngừng sử dụng thuốc và xử trí theo chỉ dẫn của thầy thuốc.

9. Nên tránh dùng những thuốc hoặc thực phẩm gì khi đang sử dụng thuốc này?

* *Vitamin A:* Neomycin, cholestyramin, parafin lỏng làm giảm hấp thu vitamin A. Các thuốc tránh thai có thể làm tăng nồng độ vitamin A trong huyết tương và có tác dụng không thuận lợi cho sự thụ thai. Cần tránh dùng đồng thời vitamin A với Isotretinoin vì có thể dẫn đến tình trạng như dùng vitamin A quá liều.

* *Vitamin D₃:*

- Không nên điều trị đồng thời vitamin D với cholestyramin hoặc colestipol hydroclorid vì có thể dẫn đến giảm hấp thu vitamin D ở ruột.

- Sử dụng dầu khoáng quá mức có thể cản trở hấp thu vitamin D ở ruột.

- Điều trị đồng thời vitamin D với thuốc lợi niệu thiazid cho những người thiếu năng cận giáp có thể dẫn đến tăng calci huyết. Trong trường hợp đó cần phải giảm liều vitamin D hoặc ngừng dùng vitamin D tạm thời. Dùng lợi tiểu thiazid ở những người thiếu năng cận giáp gây tăng calci huyết có lẽ do tăng giải phóng calci từ xương.

- Không nên dùng đồng thời vitamin D với phenobarbital và/hoặc phenytoin (và có thể với những thuốc khác gây cảm ứng men gan) vì những thuốc này có thể làm giảm nồng độ 25 - hydroxyergocalciferol và 25 - hydroxy - colecalciferol trong huyết tương và tăng chuyển hoá vitamin D thành những chất không có hoạt tính.

- Không nên dùng đồng thời vitamin D với corticosteroid vì corticosteroid cản trở tác dụng của vitamin D. Không nên dùng đồng thời vitamin D với các glycosid trợ tim vì độc tính của glycosid trợ tim tăng do tăng calci huyết, dẫn đến loạn nhịp tim.

* *Vitamin B₂:* Đã gặp một số ca "thiếu riboflavin" ở người đã dùng clopromazin, imipramin, amitriptilin và adriamycin. Rượu có thể gây cản trở hấp thu riboflavin ở ruột. Probenecid sử dụng cùng riboflavin gây giảm hấp thu riboflavin ở dạ dày, ruột.

* *Vitamin B₆:* Vitamin B₆ làm giảm tác dụng của levodopa trong điều trị bệnh Parkinson, điều này không xảy ra với chế phẩm là hỗn hợp levodopa - carbidopa hoặc levodopa - benserazid. Liều dùng 200mg/ngày có thể gây giảm 40-50% nồng độ phenyltoin và phenobarbiton trong máu ở một số người bệnh. Vitamin B₆ có thể làm nhẹ bớt trầm cảm ở phụ nữ uống thuốc tránh thai. Thuốc tránh thai uống có thể làm tăng nhu cầu Vitamin B₆.

10. Cần làm gì khi một lần quên không dùng thuốc?: Nên tiếp tục uống thuốc theo liều lượng đã hướng dẫn trong tờ thông tin cho bệnh nhân.

11. Cần bảo quản thuốc này như thế nào? Để nơi khô, nhiệt độ dưới 25°C.

12. Những dấu hiệu và triệu chứng khi dùng thuốc quá liều?

* Vitamin A (Dùng 100.000IU/ngày x 10-15 ngày liên, hoặc phụ nữ có thai dùng quá 8000IU/ngày) gây ngứa khô tóc, chán ăn buồn nôn.



* Các triệu chứng của dùng sắt quá liều: Đau bụng, buồn nôn, nôn, ỉa chảy kèm ra máu, mất nước, nhiễm acid và sốc kèm ngủ gà.

13. Cần phải làm gì khi dùng thuốc quá liều khuyến cáo?: Khi gặp phải những dấu hiệu và triệu chứng quá liều cần phải ngừng thuốc ngay và đến cơ sở y tế gần nhất.

14. Tên của nhà sản xuất và chủ sở hữu giấy phép đăng ký sản phẩm: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY.

15. Những điều cần trọng khi dùng thuốc này:

- *Vitamin B₂*: Trong thời gian dùng thuốc nước tiểu có thể có màu vàng vì có chứa Vitamin B₂, khi ngừng thuốc sẽ hết.
- *Vitamin A*: Cần thận trọng khi có dùng thuốc khác có chứa vitamin A.
- *Vitamin D₃*: Sarcoidosis hoặc thiếu năng cận giáp (có thể tăng nhạy cảm với vitamin D), suy chức năng thận, bệnh tim, sỏi thận, xơ vữa động mạch.
- *Vitamin B₆*: Dùng vitamin B₆ với liều 200mg/ngày và kéo dài có thể làm cho bệnh thần kinh ngoại vi và bệnh thần kinh cảm giác nặng, ngoài ra còn gây chứng lệ thuộc vitamin B₆.
- *Sắt sulfat*: Cần thận trọng khi dùng cho người có nghi ngờ bệnh loét dạ dày, viêm ruột hồi hoặc viêm loét ruột kết mạn. Trẻ em dưới 12 tuổi không dùng viên nén và viên nang, chỉ dùng thuốc giọt hoặc siro (hút qua ống).

16. Khi nào cần tham vấn bác sỹ:

- Khi cần thêm thông tin về thuốc.
- Khi thấy những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.
- Khi dùng thuốc mà thấy triệu chứng của bệnh không thuyên giảm.

17. Ngày xem xét sửa đổi lại tờ thông tin cho bệnh nhân: Ngày 02 tháng 02 năm 2012.

Hà Nội, Ngày 02 tháng 02 năm 2012

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Tổng Giám đốc

